
NGÂN HÀNG TMCP HÀNG HẢI VIỆT NAM
SỐ 54A NGUYỄN CHÍ THANH – P.LÁNG THƯỢNG – Q.ĐỒNG ĐA – TP.HÀ NỘI
TEL: 04.37710981 - 04.37713906 FAX: 04.37718899

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
GIỮA NIÊN ĐỘ TÓM TẮT
QUÝ 2 NĂM 2017

Bao gồm:

- 1 ◇ Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ;**
- 2 ◇ Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ;**

Hà Nội, tháng 07 năm 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Quý 2 năm 2017

Đơn vị: Triệu VND

TT	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	SỐ CUỐI QUÝ	SỐ ĐẦU NĂM
A	TÀI SẢN			
I	TIỀN MẶT, VÀNG BẠC, ĐÁ QUÝ	5.1	2,286,418	1,868,266
II	TIỀN GỬI TẠI NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC	5.2	170,286	1,545,216
III	TIỀN GỬI VÀ CHO VAY CÁC TCTD KHÁC	5.3	8,013,317	7,562,696
3.1	Tiền gửi tại các TCTD khác		4,432,906	4,054,740
3.2	Cho vay các TCTD khác		3,691,401	3,618,251
3.3	Dự phòng rủi ro		(110,990)	(110,295)
IV	CHỨNG KHOÁN KINH DOANH	5.4	87,584	97,043
4.1	Chứng khoán kinh doanh		164,014	164,014
4.2	Dự phòng rủi ro chứng khoán kinh doanh		(76,430)	(66,971)
V	CÁC CÔNG CỤ TÀI CHÍNH PHÁI SINH VÀ CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH KHÁC	5.5	-	-
VI	CHO VAY KHÁCH HÀNG	5.6	33,525,735	34,617,194
6.1	Cho vay khách hàng	5.6.1	33,978,440	35,065,076
6.2	Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	5.6.2	(452,705)	(447,882)
VII	HOẠT ĐỘNG MUA NỢ	5.7	52,332	84,853
7.1	Mua nợ		56,534	89,262
7.2	Dự phòng rủi ro hoạt động mua nợ		(4,202)	(4,409)
VIII	CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ	5.8	38,752,264	32,458,057
7.1	Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán		30,500,280	24,513,951
7.2	Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn		9,202,282	8,873,669
7.3	Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư		(950,298)	(929,563)
IX	GÓP VỐN, ĐẦU TƯ DÀI HẠN	5.9	797,527	797,527
8.1	Đầu tư vào công ty con		797,076	797,076
8.1	Vốn góp liên doanh		-	-
8.2	Đầu tư vào công ty liên kết		-	-
8.3	Đầu tư dài hạn khác		451	451
8.4	Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn		-	-
X	TÀI SẢN CỐ ĐỊNH		601,606	627,672
10.1	Tài sản cố định hữu hình	5.10	119,311	139,014
a	Nguyên giá tài sản cố định		594,381	589,408
b	Hao mòn tài sản cố định		(475,070)	(450,394)
10.2	Tài sản cố định thuê tài chính	5.12	266,625	269,913
a	Nguyên giá tài sản cố định		312,780	312,780
b	Hao mòn tài sản cố định		(46,155)	(42,867)
10.3	Tài sản cố định vô hình	5.11	215,670	218,745
a	Nguyên giá tài sản cố định		439,975	427,531
b	Hao mòn tài sản cố định		(224,305)	(208,786)
XI	BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ		-	-
11.1	Nguyên giá bất động sản đầu tư		-	-
11.2	Hao mòn bất động sản đầu tư		-	-
XII	TÀI SẢN CỐ KHÁC	5.13	15,290,616	12,635,347
12.1	Các khoản phải thu		6,761,197	6,596,237
12.2	Các khoản lãi, phí phải thu		3,160,369	2,774,998
12.3	Tài sản thuế TNDN hoãn lại		-	-
12.4	Tài sản cố khác		5,774,939	3,446,969
	- Trong đó: Lợi thế thương mại		-	-
12.5	Các khoản dự phòng rủi ro cho các tài sản Cố nội bảng khác		(405,889)	(182,857)
	TỔNG TÀI SẢN CỐ		99,577,685	92,293,871

TT	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	SỐ CUỐI QUÝ	SỐ ĐẦU NĂM
B	NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		-	-
I	CÁC KHOẢN NỢ CHÍNH PHỦ VÀ NHNN	5.14	88,963	4,386,050
II	TIỀN GỬI VÀ VAY CÁC TCTD KHÁC	5.15	15,650,375	11,040,942
2.1	Tiền gửi của các TCTD khác	5.15.1	3,040,307	4,207,774
2.2	Vay các TCTD khác	5.15.2	12,610,068	6,833,168
III	TIỀN GỬI CỦA KHÁCH HÀNG	5.16	59,745,546	57,665,951
IV	CÁC CÔNG CỤ TÀI CHÍNH PHÁI SINH VÀ CÁC KHOẢN NỢ TÀI CHÍNH KHÁC	5.5	92,417	51,505
V	VỐN TÀI TRỢ, ỦY THÁC ĐẦU TƯ, CHO VAY TCTD CHỊU RỦI RO	5.17	-	-
VI	PHÁT HÀNH GIẤY TỜ CÓ GIÁ	5.18	7,390,682	3,378,047
VII	CÁC KHOẢN NỢ KHÁC	5.19	2,567,586	2,194,891
7.1	Các khoản lãi, phí phải trả		1,566,813	1,325,123
7.2	Thuế TNDN hoãn lại phải trả		-	-
7.3	Các khoản phải trả và công nợ khác		1,000,773	869,768
7.4	Dự phòng rủi ro khác (Dự phòng cho công nợ tiềm ẩn)	5.7	-	-
	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ		85,535,569	78,717,386
VIII	VỐN CHỦ SỞ HỮU	5.20	14,042,116	13,576,485
8.1	Vốn của Tổ chức tín dụng		11,879,878	11,879,878
a	Vốn điều lệ		11,750,000	11,750,000
b	Vốn đầu tư XDCB, mua sắm tài sản cố định		608	608
c	Thặng dư vốn cổ phần		400,000	400,000
d	Cổ phiếu quỹ		(270,730)	(270,730)
e	Cổ phiếu ưu đãi		-	-
g	Vốn khác		-	-
8.2	Quỹ của Tổ chức tín dụng		672,270	650,505
8.3	Chênh lệch tỷ giá hối đoái		(41,083)	-
8.4	Chênh lệch đánh giá lại tài sản		-	-
8.5	Lợi nhuận chưa phân phối / Lỗ lũy kế		1,531,051	1,046,102
8.6	Lợi ích của cổ đông thiểu số		-	-
	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		99,577,685	92,293,871

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

0

0

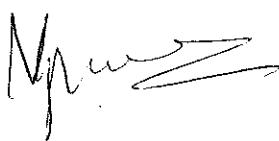
TT	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	SỐ CUỐI QUÝ	SỐ ĐẦU NĂM
1	Bảo lãnh vay vốn		-	-
	Cam kết giao dịch hối đoái		62,697,616	42,658,611
	Cam kết mua ngoại tệ		2,741,164	1,229,609
2	Cam kết bán ngoại tệ		2,733,811	1,218,606
	Cam kết giao dịch hoán đổi		57,222,641	40,210,396
	Cam kết giao dịch tương lai		-	-
3	Cam kết cho vay không hủy ngang		-	-
4	Cam kết trong nghiệp vụ L/C		916,610	869,142
5	Bảo lãnh khác		3,164,810	2,931,000
6	Các cam kết khác		598,114	2,311,396

Lập bảng

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 29 tháng 4 năm 2017
TL. Tổng Giám đốc


Nguyễn Thị Thanh Hoa





PHÓ GIÁM ĐỐC
KHỐI QUẢN LÝ TÀI CHÍNH
NGUYỄN THỊ THU HẰNG

